

Số: **2303**/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày **25** tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 - 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010.

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình Quốc gia ATTP giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn 2030; Quyết định Quyết định 62/2013/QĐ-TTg, ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; Căn cứ Quyết định 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 28/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất Rau an toàn và rau chế biến tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Quyết định số 140/2011/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 138/Tr-SNN ngày 28/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án: Đề án Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung theo tiêu chuẩn VietGap trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020, với một số nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng 50 vùng sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh đạt tiêu chuẩn Viet GAP, với tổng diện tích 250 ha, sản lượng 8.750 tấn, gắn hợp đồng liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với doanh nghiệp hoặc bếp ăn tập thể.

- Xây dựng 01 mô hình điểm sản xuất rau cần an toàn tập trung tại huyện Hiệp Hòa, với quy mô lớn 100 ha.

- Xây dựng 06 mô hình nhà lưới để sản xuất rau an toàn theo hướng ứng dụng công nghệ cao...làm cơ sở để tổng kết đánh giá hiệu quả trước khi nhân rộng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Các vùng sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn Viet GAP tập trung tại các huyện trọng điểm có khả năng phát triển như: Việt Yên, Hiệp Hoà, Tân Yên, Lạng Giang, Lục Nam, thành phố Bắc Giang, Yên Dũng và Yên Thế.

- Xây dựng 01 mô hình điểm sản xuất rau cần an toàn tập trung với quy mô 100 ha tại huyện Hiệp Hòa.

- Xây dựng 06 mô hình nhà lưới để sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap theo hướng ứng dụng công nghệ cao tập trung tại các huyện: Yên Dũng 01 mô hình, thực hiện năm 2016; Việt Yên 02 mô hình, thực hiện năm 2016 và 2017; huyện Hiệp Hòa 01 mô hình, thực hiện năm 2017; thành phố Bắc Giang 01 mô hình, thực hiện năm 2016; huyện Lạng Giang 01 mô hình, thực hiện năm 2017.

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất rau an toàn VietGap cho nông dân 100 lớp.

- Xây dựng 08 nhà sơ chế hoặc kho lạnh phục vụ sản xuất rau an toàn tại các huyện: Yên Dũng 01 nhà, thực hiện năm 2016; Việt Yên 02 nhà, năm 2017 thực hiện 01 nhà, năm 2019 thực hiện 01 nhà, Hiệp Hòa 02 nhà, năm 2017 thực hiện 01 nhà, 2018 thực hiện 01 nhà; thành phố Bắc Giang 01 nhà, thực hiện năm 2018, Tân Yên 01 nhà, thực hiện năm 2019; Lục Nam 01 nhà thực hiện năm 2020.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức ký hợp đồng liên kết bao tiêu sản phẩm rau an toàn tại các vùng sản xuất tập trung đạt tiêu chuẩn VietGap, với tổng diện tích 250 ha.

II. NỘI DUNG

1. Hỗ trợ hình thành các vùng sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh đạt tiêu chuẩn VietGap:

- *Đối tượng hỗ trợ:* Hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư sản xuất rau an toàn trên địa bàn tỉnh.

- *Điều kiện được hỗ trợ:*

+ Trong quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc trong vùng được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn;

+ Diện tích vùng sản xuất rau an toàn từ 05 ha trở lên, trong đó: Diện tích sản xuất rau tối thiểu 80% diện tích trở lên tập trung, liền vùng;

- + Áp dụng quy trình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap;
- + Có hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc ban điều hành thôn do UBND cấp xã thành lập để tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm;
- + Có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc các bếp ăn tập thể...

- Nội dung và mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tiền mua giống mới, thuốc trừ sâu sinh học: Mức hỗ trợ 7 triệu đồng/ha/vụ cho năm thứ nhất sản xuất; hỗ trợ tối đa 02 vụ/năm;

+ Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo quản rau an toàn cho các hợp tác xã, hộ sản xuất (02 lớp/vùng, 02 ngày/lớp): Mức hỗ trợ 7,4 triệu đồng/lớp.

+ Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGap: Mức hỗ trợ 05 triệu/ha; hỗ trợ tối đa 25 triệu đồng/vùng tập trung; riêng vùng sản xuất rau cần tập trung tại huyện Hiệp Hòa hỗ trợ tối đa 400 triệu/vùng; mỗi vùng chỉ hỗ trợ một lần.

+ Hỗ trợ cho hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc ban điều hành thôn tuyên truyền, vận động và hướng dẫn sản xuất, bao tiêu sản phẩm cho nông dân: Mức hỗ trợ 500.000đ/ha/vụ; hỗ trợ tối đa 02 vụ/năm.

2. Hỗ trợ xây dựng nhà sơ chế hoặc kho bảo quản sản phẩm

- **Đối tượng hỗ trợ:** Hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất rau an toàn thành vùng tập trung 10 ha trở lên và được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGap trên địa bàn tỉnh.

- Điều kiện được hỗ trợ:

+ Xây dựng trong vùng sản xuất rau an toàn tập trung để phục vụ cho sơ chế, đóng gói hoặc bảo quản sản phẩm;

+ Diện tích xây dựng nhà sơ chế, đóng gói hoặc kho bảo quản có diện tích tối thiểu 100m², xây kiên cố bằng gạch, xi măng, mái lợp bằng vật liệu kiên cố;

- **Nội dung và mức hỗ trợ:** Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng sau khi nghiệm thu; hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/nhà. Thời gian hỗ trợ sau 01 vụ sản xuất.

3. Hỗ trợ mô hình nhà lưới sản xuất rau an toàn theo hướng ứng dụng công nghệ cao

- **Đối tượng hỗ trợ:** Hợp tác xã, doanh nghiệp, cá nhân (trong và ngoài tỉnh) đầu tư xây dựng nhà lưới để sản xuất rau an toàn trên địa bàn tỉnh.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Trong quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc trong vùng được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.

+ Quy mô nhà lưới phục vụ sản xuất từ 500 m² trở lên;

+ Kết cấu nhà lưới: Dùng vật liệu ống sắt không gỉ làm khung, mái; xung quanh nhà được quây kín bằng lưới chống côn trùng cao 2m; toàn bộ nhà lưới được lợp bằng nilon chịu nhiệt có độ bền cao; có hệ thống tưới phun hoặc tưới nhỏ giọt tự động phục vụ sản xuất (hoặc có thể đầu tư công nghệ hiện đại hơn);

+ Áp dụng quy trình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap;

- **Nội dung và mức hỗ trợ:**

Hỗ trợ 50% kinh phí cho xây dựng nhà lưới và hệ thống tưới tự động sau khi được nghiệm thu; mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu/mô hình.

4. Hỗ trợ xây dựng kênh mương phục vụ sản xuất cho mô hình sản xuất rau cần an toàn tập trung 100 ha tại huyện Hiệp Hòa

Mức hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng hệ thống kênh mương dự kiến 3.000 m (xây mới kênh cứng 1.500m, xây lại mở rộng kênh dẫn đầu nguồn 1.500m) để phục vụ tưới tiêu; tổng kinh phí hỗ trợ tối đa 1,2 tỷ đồng.

5. Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm rau an toàn

- **Đối tượng được hỗ trợ:** Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức ký hợp đồng tiêu thụ tại các vùng sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap tập trung trên địa bàn tỉnh.

- **Điều kiện hỗ trợ:** Có hợp đồng bao tiêu sản phẩm rau an toàn ổn định ít nhất 1 năm cho các vùng sản xuất rau an toàn tập trung 05 ha trở lên.

- **Nội dung và mức hỗ trợ:** Hỗ trợ bằng tiền, sau khi có đủ hồ sơ chứng minh và được nghiệm thu khi kết thúc vụ sản xuất. Mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha/năm; chỉ hỗ trợ năm đầu sản xuất.

6. Hỗ trợ tổ chức hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết, thăm quan học tập kinh nghiệm

Hỗ trợ 100% kinh phí cho tổ chức hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết, thăm quan học tập kinh nghiệm. Tổng kinh phí hỗ trợ: 400.000.000 đồng.

7. Hỗ trợ quản lý, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu thanh quyết toán cho đề án:

Hỗ trợ với mức 2% tổng kinh phí hỗ trợ của đề án: Kinh phí hỗ trợ tương đương khoảng 400.000.000 đồng.

8. Nguồn kinh phí thực hiện đề án:

8.1. Tổng kinh phí thực hiện đề án 19.935 triệu đồng.

(Mười chín tỷ, chín trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn)

Trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 10.160 triệu đồng.

- Vốn đối ứng của dân 9.775 triệu đồng.

(Chi tiết theo Đề án được phê duyệt)

9. Thời gian thực hiện: Từ năm 2016 đến năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp hàng hóa xuất khẩu tỉnh

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp triển khai thực hiện đề án có hiệu quả;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức, triển khai sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm;
- Hỗ trợ, giúp đỡ tháo gỡ kịp thời những khó khăn cho cơ sở, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện đề án này; hướng dẫn, kiểm tra việc phát triển vùng sản xuất nguyên liệu rau chế biến trên địa bàn theo đúng quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt;
- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn về việc thực hiện nội dung hỗ trợ đề án. Yêu cầu nội dung hướng dẫn phải đúng quy định pháp luật, dễ kiểm tra, rõ về trình tự, thủ tục thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ; tránh gây phiền hà cho đối tượng được hỗ trợ. Thời gian thực hiện xong trong tháng 01/2016;
- Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc rau chế biến ở các địa phương để đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm;
- Ban hành các tiêu chí hướng dẫn xây dựng mô hình nhà lưới, kho bảo quản và nhà sơ chế rau an toàn, rau chế biến. Thời gian ban hành tháng 01/2016.
- Hàng năm, phối hợp với Sở kế hoạch đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu kinh phí thuộc ngân sách tỉnh hỗ trợ theo quy định báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định;
- Báo cáo kết quả thực hiện đề án về UBND tỉnh để nắm và chỉ đạo kịp thời. Tham mưu sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện đề án theo quy định.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập và phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp hỗ trợ đầu tư báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định giao dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức thực hiện;
- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các huyện, thành phố và các đơn vị trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước giao đối với UBND các huyện, thành phố và ở các đơn vị;
- Kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư sản xuất và tiêu thụ nông sản.

5. Sở Công Thương

- Chịu trách nhiệm phối hợp với UBND các huyện, thành phố trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác tiêu thụ rau chế biến xuất khẩu của các tổ chức, cá nhân sản xuất rau chế biến trên địa bàn toàn tỉnh;

- Xúc tiến tiêu thụ sản phẩm, đồng thời có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc ký kết hợp đồng giữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân với doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm để đảm bảo lợi ích hài hòa giữa hai bên.

6. UBND các huyện, thành phố

- Thông báo, tuyên truyền các chủ trương hỗ trợ của đề án để các tổ chức, cá nhân và nông dân biết triển khai thực hiện có hiệu quả;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc tổ chức triển khai thực hiện đề án trên địa bàn quản lý; chỉ đạo, quản lý phát triển vùng sản xuất nguyên liệu rau an toàn trên địa bàn theo đề án đã được phê duyệt;

- Chủ động trích ngân sách địa phương hỗ trợ thêm cho phát triển sản xuất và xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất;

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ theo kế hoạch của Đề án gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định.

7. Các cơ quan truyền thông tỉnh

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh, tích cực tuyên truyền, đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền nội dung của đề án, nhất là chính sách hỗ trợ, là tầm quan trọng, và ý nghĩa của sản xuất rau an toàn tập trung trên địa bàn tỉnh để tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp biết và thực hiện có hiệu quả.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Kho bạc nhà nước, Chủ tịch UBND các huyện thành phố và các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LDVP, TH, KT, TN, THCB, TKCT;
 - + Lưu: VT, NN.Thăng.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Thanh Sơn

Số: *2297* /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày *25* tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chuyển kinh phí thuê xây dựng hệ thống thư điện tử trong dự toán ngân sách năm 2015 của Sở Thông tin và Truyền thông sang Trung tâm Tin học và công báo tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 211/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1711/STC-HCSN ngày 23/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chuyển 330.000.000đ (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu đồng) kinh phí thuê xây dựng hệ thống thư điện tử trong dự toán ngân sách năm 2015 của Sở Thông tin và Truyền thông sang Trung tâm Tin học và công báo tỉnh.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trung tâm Tin học và công báo tỉnh, các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *nh*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TPKT, TH, VX2;
 - + Lưu: VT, KT. Hải.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thái